

Số: 961/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Công thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, PC.



Bùi Thế Duy

**KẾ HOẠCH****Rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Khoa học và Công nghệ**

(Ban hành kèm Quyết định số: 961 /QĐ-BKHCHN

ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Thực hiện Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ (Quyết định số 209/QĐ-TTg), Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ với các nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu**1. Mục đích:**

a) Tổ chức thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật; nâng cao chất lượng công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật;

b) Xây dựng Báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và thực hiện các yêu cầu của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật (Tổ công tác).

2. Yêu cầu:

a) Tổ chức, thực hiện Kế hoạch bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bám sát yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nhiệm vụ được Chính phủ giao tại các nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ động, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị; phát huy vai trò chủ động, tích cực và trách nhiệm của các đơn vị thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật; tham vấn rộng rãi đối tượng điều chỉnh của pháp luật nhất là về các giải pháp, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong quá trình rà soát văn bản quy phạm pháp luật;

c) Kế thừa, sử dụng hiệu quả kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 để cập nhật, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật theo

Kế hoạch; rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật thể chế hóa các chủ trương, chính sách, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền; tạo thuận lợi, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

d) Các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm rà soát văn bản quy phạm pháp luật tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc theo Kế hoạch và hướng dẫn của Vụ Pháp chế; bảo đảm tiến độ, chất lượng, tính toàn diện và hệ thống của Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý; chỉ rõ các vướng mắc, chông chéo của hệ thống pháp luật và kiến nghị cụ thể phương án sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

d) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao căn cứ Quyết định số 209/QĐ-TTg, tài liệu hướng dẫn kèm theo Công văn số 432/BTP-KTrVB ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tư pháp, văn bản của Tổ công tác để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

II. Đối tượng, phạm vi rà soát

Toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 còn hiệu lực (bao gồm cả các văn bản đã được ban hành nhưng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 chưa có hiệu lực) theo quy định tại Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và khoản 1 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, trong đó rà soát cụ thể về:

1. Quy định liên quan đến đầu tư, kinh doanh (như điều kiện đầu tư kinh doanh; thủ tục hành chính; các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh...);

2. Các vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật để tận dụng cơ hội, ứng phó với các thách thức, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

3. Đối chiếu các quy định của văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ với các quy định của văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội, v.v..

III. Nội dung rà soát thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ

1. Các quy định pháp luật về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trừ những quy định liên quan đến tài chính):

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật;

b) Đơn vị phối hợp: Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Vụ Công nghệ cao, Vụ Hợp tác quốc tế, Văn phòng Bộ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Văn

phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các đơn vị liên quan.

2. Các quy định pháp luật về kế hoạch, đầu tư, tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ (bao gồm cả quy định về tài chính của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ):

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Kế hoạch – Tài chính;

b) Đơn vị phối hợp: Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các đơn vị liên quan.

3. Các quy định pháp luật về quản lý, hoạt động của tổ chức KH&CN, cá nhân hoạt động KH&CN và phát triển nguồn nhân lực KH&CN:

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

4. Các quy định pháp luật về công nghệ cao:

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Công nghệ cao;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

5. Các quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ:

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

6. Các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Thi đua – Khen thưởng;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

7. Các quy định pháp luật về thông tin khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm cả thông tin về tình hình ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ):

a) Đơn vị chủ trì: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

b) Đơn vị phối hợp: Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các đơn vị liên quan.

8. Các quy định pháp luật về ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới công nghệ:

a) Đơn vị chủ trì: Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

9. Các quy định pháp luật về phát triển thị trường công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

a) Đơn vị chủ trì: Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

10. Các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ:

a) Đơn vị chủ trì: Cục Sở hữu trí tuệ;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

11. Các quy định pháp luật về năng lượng nguyên tử:

a) Đơn vị chủ trì: Cục An toàn bức xạ và hạt nhân;

b) Đơn vị phối hợp: Cục Năng lượng nguyên tử, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam và các đơn vị liên quan.

12. Các quy định pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng:

a) Đơn vị chủ trì: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

13. Các quy định pháp luật về hợp tác, hội nhập quốc tế về KH&CN:

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Hợp tác quốc tế;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

14. Tổng hợp kết quả rà soát, xây dựng báo cáo của Bộ:

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Pháp chế;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị thực hiện rà soát.

IV. Phối hợp rà soát chuyên sâu theo yêu cầu của Tổ công tác:

1. Nhóm quy định pháp luật về phê duyệt, triển khai, tổ chức thực hiện, chấm dứt dự án đầu tư (gồm cả dự án đầu tư công); tài chính, thuế, quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước:

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Kế hoạch – Tài chính;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

2. Nhóm quy định pháp luật về lao động, việc làm và an sinh xã hội; phân cấp, phân quyền, ủy quyền:

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

3. Nhóm quy định pháp luật gây cản trở, vướng mắc, khó khăn cho sản xuất kinh doanh để kịp thời ứng phó và giảm thiểu tác động của dịch Covid-19 đến nền kinh tế:

a) Đơn vị chủ trì: Vụ Công nghệ cao, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN;

b) Đơn vị phối hợp: Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và các đơn vị liên quan.

4. Nhóm quy định pháp luật về đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (trong đó, lưu ý tới vấn đề chuyển đổi số quốc gia, các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ số, khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư mạo hiểm, thương mại điện tử, tạo dựng, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh số và xác thực điện tử, thanh toán điện tử, quản lý thuế):

- a) Đơn vị chủ trì: Vụ Công nghệ cao;
- b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

5. Nhóm quy định pháp luật về kiểm tra chuyên ngành:

- a) Đơn vị chủ trì: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- b) Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

6. Nhóm quy định pháp luật về điều kiện gia nhập thị trường, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã); đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, hợp đồng, giải quyết tranh chấp phát sinh trong kinh doanh, phá sản doanh nghiệp; dịch vụ hỗ trợ tư pháp, tiếp cận pháp luật của doanh nghiệp:

- a) Đơn vị chủ trì: Vụ Pháp chế;

b) Đơn vị phối hợp: Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ, Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN, Cục Sở hữu trí tuệ và các đơn vị liên quan.

V. Thời gian thực hiện:

1. Thời gian hoàn thành công việc từ Mục III.1 đến Mục III.13: Các đơn vị hoàn thành việc rà soát và gửi kết quả rà soát (theo Mẫu ban hành kèm theo Quyết định này) về Vụ Pháp chế trước ngày 25 tháng 5 năm 2020;

2. Thời gian hoàn thành nội dung công việc tại Mục III.14: Vụ Pháp chế trình Lãnh đạo Bộ báo cáo trước ngày 20 tháng 6 năm 2020 và gửi Bộ Tư pháp trước ngày 30 tháng 6 năm 2020.

3. Thời gian hoàn thành công việc tại Mục IV: Theo yêu cầu của Tổ công tác.

VI. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị để thực hiện kế hoạch:

- 1. Cơ quan chủ trì: Vụ Pháp chế;
- 2. Cơ quan phối hợp: Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- 3. Thời gian thực hiện: Trong thời gian rà soát.

VII. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Vụ Pháp chế phối hợp với Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ lập dự toán bổ sung nguồn kinh phí cho hoạt động rà soát./.

Mẫu số 01

Văn bản quy phạm pháp luật được rà soát có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp thuộc
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 961/QĐ-BKHHCN ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển ¹	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Ghi chú ²
I. LUẬT, BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI							
1.							
2.							
II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI							
1.							
2.							
III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ							
1.							
2.							
IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ							
1.							
2.							
V. THÔNG TƯ LIÊN TỊCH							
1.							
2.							
VI. THÔNG TƯ							
1.							
2.							
VII. CÁC HÌNH THỨC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC							
1.							
2.							

¹ Nêu rõ điều, khoản, điểm mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp (có căn cứ đối chiếu).

² Trường hợp văn bản được rà soát có nội dung quy định liên quan đến đầu tư, kinh doanh, thì tại cột "Ghi chú" ghi: "Đầu tư, kinh doanh"

Mẫu số 02**Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật***(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKHCHN**ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)***TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2020***BÁO CÁO****Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực
(ghi tên lĩnh vực được phân công phụ trách)****I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN****II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN****1. Tổng số văn bản thuộc đối tượng, phạm vi rà soát của đơn vị: ... văn bản.****2. Tổng số văn bản đã được rà soát:.....văn bản**

Gồm: + ... Luật, Bộ luật;

+ ... Nghị quyết của Quốc hội;

+ ... Pháp lệnh;

+ ... Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ ... Nghị định của Chính phủ;

+ ... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ ... Thông tư liên tịch;

+ ... Thông tư;

+ ... văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3. Tổng số văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp: văn bản (chi tiết các nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp thể hiện tại Phụ lục), trong đó:**3.1 ... văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với luật, bộ luật, nghị quyết của Quốc hội:**

Gồm: + ... Luật, Bộ luật, Nghị quyết;

+ ... Pháp lệnh;

+ ... Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ ... Nghị định của Chính phủ;

+ ... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ ... Thông tư liên tịch;

+ ... Thông tư;

+ ... văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3.2. văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Gồm: + ... Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ ... Nghị định của Chính phủ;

+ ... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ ... Thông tư liên tịch;

+ ... Thông tư;

+ ... văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3.3. ... văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với nghị định của Chính phủ:

Gồm: + ... Nghị định của Chính phủ;

+ ... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ ... Thông tư liên tịch;

+ ... Thông tư;

+ ... văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3.4. ... văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

Gồm: + ... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ ... Thông tư liên tịch;

+ ... Thông tư;

+ ... văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

3.5. văn bản do Bộ trưởng ban hành có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với nhau (phân loại cụ thể).

3.6. Về các phản ánh về sự chồng chéo trong các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực đất đai, môi trường,... của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (Theo Công văn số 3126/TTKQH-TH ngày 19/10/2019 của Tổng Thư ký Quốc hội về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật)

Trình bày ý kiến cụ thể đối với phản ánh nêu trên của VCCI sau khi rà soát các văn bản thuộc trách nhiệm của đơn vị.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Nhận xét, đánh giá

1.1. Về quá trình tổ chức thực hiện rà soát văn bản

1.2. Về chất lượng rà soát văn bản

1.3. Về hệ thống văn bản đã được rà soát

Đánh giá cụ thể (ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế) đối với các nhóm văn bản sau:

- Về toàn bộ hệ thống văn bản đã được rà soát;

- Về nhóm các văn bản quy định về đầu tư, kinh doanh (bao gồm cả các văn bản theo phản ánh của VCCI) (Nêu tại Mục B.I.2.2 Tài liệu hướng dẫn kèm theo Công văn số 432/BTRP-KTrVB của Bộ Tư pháp).

1.4. Khó khăn, vướng mắc**1.5. Nguyên nhân khó khăn, vướng mắc****2. Kiến nghị, đề xuất, giải pháp****2.1. Về việc xử lý văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp¹ (chi tiết tại Mẫu số 01 Phụ lục)**

- ... văn bản có nội dung cần đình chỉ thi hành:

Gồm: + ... Luật, Bộ luật;

+ ... Nghị quyết của Quốc hội;

+ ... Pháp lệnh;

+ ... Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ ... Nghị định của Chính phủ;

+ ... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ ... Thông tư liên tịch;

+ ... Thông tư;

+ ... văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

- ... văn bản có nội dung cần sửa đổi, bổ sung:

Gồm: + ... Luật, Bộ luật;

+ ... Nghị quyết của Quốc hội;

+ ... Pháp lệnh;

+ ... Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ ... Nghị định của Chính phủ;

+ ... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ ... Thông tư liên tịch;

+ ... Thông tư;

+ ... văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

- ... văn bản có nội dung cần thay thế:

Gồm: + ... Luật, Bộ luật;

+ ... Nghị quyết của Quốc hội;

+ ... Pháp lệnh;

+ ... Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ ... Nghị định của Chính phủ;

+ ... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ ... Thông tư liên tịch;

+ ... Thông tư;

+ ... văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

¹ Theo các hình thức được quy định tại Điều 143 (Các hình thức xử lý văn bản được rà soát) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- ... văn bản có nội dung cần thay thế:

Gồm: + ... Luật, Bộ luật;

+ ... Nghị quyết của Quốc hội;

+ ... Pháp lệnh;

+ ... Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ ... Nghị định của Chính phủ;

+ ... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ ... Thông tư liên tịch;

+ ... Thông tư;

+ ... văn bản là các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác (có thể phân loại cụ thể).

-... văn bản có nội dung cần bãi bỏ:

2.2. Giải pháp

Nêu một số giải pháp khắc phục các hạn chế trong việc xây dựng pháp luật, hạn chế tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật.

2.3. Các vấn đề khác (nếu có)